CHUYÊN ĐỀ 02: **CẤU TẠO, DANH PHÁP, TÍNH CHẤT CỦA CHẤT BÉO**

Phiếu số 6

Họ và Tên: .....Lớp.....

Câu 1: Axit béo là axit đơn chức, có mạch cacbon dài và không phân nhánh. Công thức cấu tạo thu gọn của axit béo panmitic là

A. $C_{17}H_{33}COOH$. **B.** $C_{17}H_{35}COOH$.
C. $C_{15}H_{31}COOH$. **D.** $C_{17}H_{31}COOH$.

Câu 2: Axit béo là axit đơn chức, có mạch cacbon dài và không phân nhánh. Công thức cấu tạo thu gọn của axit béo stearic là

A. $C_{17}H_{33}COOH$. **B.** $C_{17}H_{35}COOH$.
C. $C_{15}H_{31}COOH$. **D.** $C_{17}H_{31}COOH$.

Câu 3: Axit béo là axit đơn chức, có mạch cacbon dài và không phân nhánh. Công thức cấu tạo thu gọn của axit béo oleic là

A. $C_{17}H_{33}COOH$. **B.** $C_{17}H_{35}COOH$.
C. $C_{15}H_{31}COOH$. **D.** $C_{17}H_{31}COOH$.

Câu 4: Axit béo là axit đơn chức, có mạch cacbon dài và không phân nhánh. Công thức cấu tạo thu gọn của axit béo linoleic là

A. $C_{17}H_{33}COOH$. **B.** $C_{17}H_{35}COOH$.
C. $C_{15}H_{31}COOH$. **D.** $C_{17}H_{31}COOH$.

Câu 5: Chất béo X là trieste của glixerol với axit cacboxylic Y. Axit Y là

A. C_2H_3COOH. **B.** HCOOH.
C. $C_{15}H_{31}COOH$. **D.** C_2H_5COOH.

Câu 6: Chất nào sau đây là glixerol?

A. $C_2H_4(OH)_2$. **B.** C_3H_5OH.
C. C_2H_5OH. **D.** $C_3H_5(OH)_3$.

Câu 7: Chất béo là trieste của glixerol với axit béo. Chất nào sau đây là chất béo?

A. $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$. **B.** $(C_{15}H_{31}COO)_3C_4H_7$.
C. $CH_3COOCH_2C_6H_5$. **D.** $(C_{17}H_{33}COO)_2C_2H_4$.

Câu 8: Chất béo là thành phần chính trong dầu thực vật và mỡ động vật. Chất nào sau đây là chất béo?

A. $(C_3H_5COO)_3C_3H_5$. **B.** $(C_{17}H_{33}COO)_2C_2H_4$.
C. $(C_{15}H_{31}COO)_3C_3H_5$. **D.** $CH_3COOC_6H_5$.

Câu 9: Chất béo là trieste của glixerol với axit béo. Triolein có công thức cấu tạo thu gọn là

A. $C_3H_5(OOCC_{17}H_{35})_3$. **B.** $C_3H_5(OOCC_{15}H_{31})_3$.
C. $C_3H_5(OOCC_{17}H_{33})_3$. **D.** $C_3H_5(OOCC_{17}H_{31})_3$.

Câu 10: Chất béo là trieste của glixerol với axit béo. Trilinolein có công thức cấu tạo thu gọn là

A. $C_3H_5(OOCC_{17}H_{35})_3$. **B.** $C_3H_5(OOCC_{15}H_{31})_3$.
C. $C_3H_5(OOCC_{17}H_{33})_3$. **D.** $C_3H_5(OOCC_{17}H_{31})_3$.

Câu 11: Chất béo là trieste của glixerol với axit béo. Tripanmitin có công thức cấu tạo thu gọn là

A. $C_3H_5(OOCC_{17}H_{35})_3$. **B.** $C_3H_5(OOCC_{15}H_{31})_3$.
C. $C_3H_5(OOCC_{17}H_{33})_3$. **D.** $C_3H_5(OOCC_{17}H_{31})_3$.

Câu 12: Chất béo là trieste của glixerol với axit béo. Tristearin có công thức cấu tạo thu gọn là

A. $C_3H_5(OOCC_{17}H_{35})_3$. **B.** $C_3H_5(OOCC_{15}H_{31})_3$.
C. $C_3H_5(OOCC_{17}H_{33})_3$. **D.** $C_3H_5(OOCC_{17}H_{31})_3$.

LIVEWORKSHEETS

Câu 13: Hợp chất $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$ có tên gọi là

A. triolein. **B.** trilinolein.
C. tristearin. **D.** tripanmitin.

Câu 14: Hợp chất $(C_{17}H_{31}COO)_3C_3H_5$ có tên gọi là

A. triolein. **B.** trilinolein.
C. tristearin. **D.** tripanmitin.

Câu 15: Hợp chất $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$ có tên gọi là

A. triolein. **B.** trilinolein.
C. tristearin. **D.** tripanmitin.

Câu 16: Hợp chất $(C_{15}H_{31}COO)_3C_3H_5$ có tên gọi là

A. triolein. **B.** trilinolein.
C. tristearin. **D.** tripanmitin.

Câu 17: Chất béo nào sau đây có số nguyên tử cacbon ít nhất?

A. Triolein. **B.** Tripanmitin.
C. Trilinolein. **D.** Tristearin.

Câu 18: Số nguyên tử oxi trong phân tử chất béo là

A. 2. **B.** 6. **C.** 4. **D.** 8.

Câu 19: Số liên kết pi (π) trong phân tử chất béo no là

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 20: Số liên kết pi (π) trong phân tử $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$ là

A. 5. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 21: Số liên kết pi (π) trong phân tử $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$ là

A. 6. **B.** 5. **C.** 7. **D.** 9.

Câu 22: Số liên kết pi (π) trong phân tử $(C_{17}H_{35}COO)_2C_3H_5(OOCC_{17}H_{31})$ là

A. 5. **B.** 6. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 23: Số liên kết pi (π) trong phân tử $(C_{15}H_{31}COO)_2C_3H_5(OOCC_{17}H_{33})$ là

A. 5. **B.** 6. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 24: Chất nào sau đây **không** thuộc loại chất béo?

A. Tripanmitin. **B.** Glixerol.
C. Tristearin. **D.** Triolein.

Câu 25: Ở nhiệt độ thường, chất nào sau đây ở trạng thái rắn?

A. $(C_{17}H_{31}COO)_3C_3H_5$. **B.** $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$.
C. $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$. **D.** C_2H_5COOH.

Câu 26: Ở nhiệt độ thường, chất nào sau đây ở trạng thái rắn?

A. $(C_{17}H_{31}COO)_3C_3H_5$. **B.** CH_3COOH.
C. $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$. **D.** $(C_{15}H_{31}COO)_3C_3H_5$.

LIVEWORKSHEETS